

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 04-5-2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Ngoan.

Bà Lưu Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2021/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 798/2020/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 115/2021/QĐ-PT ngày 12 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Yến T, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T1, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Lê Thị Yến T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn chị Lê Thị Yến T trình bày:*

Chị và anh T1 chung sống với nhau vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào năm 2005. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng với nhau về quan điểm sống, ngoài ra nhiều lần anh T1 có lời lẽ xúc phạm đến gia đình chị. Đến đầu tháng 10 năm 2020 chị bỏ về nhà nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được, nên chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T2, sinh ngày 10/6/2006 và Nguyễn Minh T3, sinh ngày 19/06/2008. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn anh Nguyễn Minh T1 trình bày:*

Anh và chị Lê Thị Yến T chung sống với nhau vào năm 2004, đến năm 2005 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến tháng 5/2020 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nhưng không lớn. Đến tháng 10/2020, chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, anh có nhiều lần đến nhà vợ để khuyên chị T trở về để lo gia đình, nhưng chị T không chịu về. Nay chị T có đơn yêu cầu xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, thương con.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T2, sinh ngày 10/6/2006 và Nguyễn Minh T3, sinh ngày 19/06/2008. Hiện nay hai con chung đang sống với anh và học tập tại Trường Trung học cơ sở T. Do anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa giải quyết về con chung. Nếu giả sử Tòa cho ly hôn anh yêu cầu được nuôi hết hai con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 798/2020/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Không chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Yến T.

Về hôn nhân: Không cho chị Lê Thị Yến T ly hôn với anh Nguyễn Minh T1.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 21/12/2020, nguyên đơn chị Lê Thị Yến T có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận cho chị Lê Thị Yến T được ly hôn với anh Nguyễn Minh T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

* Nguyên đơn chị Lê Thị Yến T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; hai bên đương sự đã thuận tình ly hôn, thỏa thuận về quan hệ con chung, quan hệ tài sản chung như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Yến T và anh Nguyễn Minh T1 thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T2, sinh ngày 10/6/2006 và Nguyễn Minh T3, sinh ngày 19/6/2008 cho anh Nguyễn Minh T1 nuôi. Chị Lê Thị Yến T không phải cấp dưỡng cho con. Chị Lê Thị Yến T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị Yến T tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục kháng cáo: Chị Lê Thị Yến T nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị Yến T khởi kiện anh Nguyễn Minh T1, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang thụ lý giải quyết là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lê Thị Yến T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh T1. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ về ly hôn là đúng khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về nội dung kháng cáo:

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận việc thuận tình ly hôn và sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 148, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 798/2020/HNGĐ-ST ngày 15/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1.1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Yến T và anh Nguyễn Minh T1.

1.2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T2, sinh ngày 10/6/2006 và Nguyễn Minh T3, sinh ngày 19/6/2008 cho anh Nguyễn Minh T1 nuôi. Chị Lê Thị Yến T không phải cấp dưỡng cho con. Chị Lê Thị Yến T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

2. Về án phí:

2.1. Chị Lê Thị Yến T tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0003492 ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nộp án phí.

2.2. Chị Lê Thị Yến T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại chị Lê Thị Yến T 300.000 đồng tạm ứng dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003739 ngày 21/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã T, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lê Huy